TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Kỳ Cùng và câu chuyện quản lý tiền công đức

ISSN: 2734-9195 20:47 06/06/2026

Sâu xa hơn, việc hoàn thiện cơ chế quản trị tiền công đức không đơn thuần là câu chuyện quản lý tài chính. Đó là câu chuyện bảo vệ niềm tin xã hội.

Vụ án xảy ra tại Đền Kỳ Cùng, tỉnh Lạng Sơn, với việc 3 cá nhân bị khởi tố về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong **quản lý tiền công đức** đã một lần nữa đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát nguồn tài chính công đức tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

Bài viết phân tích bản chất pháp lý của tiền công đức, những khoảng trống trong cơ chế quản trị hiện hành và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực đặc thù này.

Vụ án Đền Kỳ Cùng và vấn đề đặt ra

Ngày 02/6/2026, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố vụ án, khởi tố ba bị can gồm Phạm Tuyết Lê, Vũ Thị Chuyền và Kiều Thị Thúy Hường về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điều 356 Bộ luật Hình sự.



Các đối tượng Phạm Tuyết Lê (trên), Vũ Thị Chuyền (trái) và Kiều Thị Thúy Hường (phải) tại Cơ quan Công an.
Ảnh: thethaovanhoa.vn

Kết quả điều tra ban đầu cho thấy các đối tượng đã lợi dụng nhiệm vụ được giao trong quản lý tiền công đức tại Đền Kỳ Cùng để giữ lại một phần tiền ngoài số liệu kiểm ngân công khai từ cuối năm 2022, chiếm giữ hàng tỷ đồng nhằm ăn chia và thực hiện các khoản chi trái quy định. Cơ quan điều tra đã thu giữ hơn 500 triệu đồng cùng nhiều tài liệu, chứng cứ liên quan phục vụ quá trình điều tra.

Đây không đơn thuần là một vụ án hình sự về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Bản chất của vụ việc còn phản ánh nguy cơ thất thoát tài sản công đức khi quyền quản lý tài chính tập trung vào một số cá nhân nhưng thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát độc lập và thường xuyên.

Điều đáng lo ngại là hành vi vi phạm được xác định kéo dài nhiều năm. Điều này cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở đạo đức cá nhân mà còn nằm ở những bất cập của cơ chế quản trị và kiểm soát nội bộ đối với nguồn tài sản đặc biệt được hình thành từ niềm tin của nhân dân.

Tiền công đức không phải “tiền vô chủ”

Trong đời sống tín ngưỡng của người Việt Nam, tiền công đức là khoản đóng góp hoàn toàn tự nguyện của tổ chức, cá nhân dành cho các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và di tích lịch sử - văn hóa. Tuy nhiên, việc người dân tự nguyện đóng góp không đồng nghĩa với việc nguồn tiền đó trở thành khoản tiền "không ai sở hữu", càng không phải là nguồn tài sản mà bất kỳ cá nhân nào đang trực tiếp quản lý di tích hay cơ sở tín ngưỡng có thể tùy tiện sử dụng theo ý chí riêng.

Khoản 11 Điều 2 **Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016** xác định hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thể hiện sự tôn kính đối với thần linh, tổ tiên và các giá trị văn hóa truyền thống. Nhà nước tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của công dân nhưng đồng thời yêu cầu mọi hoạt động tín ngưỡng phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật.



Lực lượng chức năng tỉnh Lạng Sơn khám xét, thu thập tài liệu, tiền mặt phục vụ công tác điều tra
Ảnh: thethaovanhoa.vn

Điều 56 của Luật này quy định tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được pháp luật bảo hộ; việc quản lý, sử dụng tài sản phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Điều đó có nghĩa rằng tiền công đức sau khi được tiếp nhận đã trở thành một loại tài sản có chủ thể quản lý xác định, có mục đích sử dụng xác định và chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

Nhằm khắc phục tình trạng quản lý tùy tiện, thiếu **minh bạch** từng tồn tại trong nhiều năm, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và

tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Đây được xem là văn bản pháp lý đầu tiên quy định tương đối toàn diện về quy trình tiếp nhận, kiểm đếm, ghi sổ, quản lý, sử dụng và công khai nguồn tiền công đức.

Theo Thông tư này, tiền công đức phải được kiểm đếm định kỳ hoặc đột xuất với sự tham gia của các thành phần được phân công; kết quả kiểm đếm phải được lập biên bản, ghi chép đầy đủ và lưu trữ hồ sơ. Các khoản chi từ nguồn công đức phải phục vụ việc bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; chi cho các hoạt động lễ hội; chi cho công tác quản lý và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc công khai nguồn thu, chi là nghĩa vụ bắt buộc nhằm bảo đảm quyền giám sát của cộng đồng đối với nguồn tài sản do cộng đồng đóng góp.

Bản chất pháp lý của tiền công đức vì vậy có nhiều điểm tương đồng với tài sản được giao quản lý theo ủy thác xã hội. Người dân bỏ tiền vào **hòm công đức** không phải để trao tặng cho một cá nhân cụ thể mà để đóng góp cho việc duy trì, bảo tồn các giá trị văn hóa, tín ngưỡng chung. Nói cách khác, chủ thể quản lý di tích chỉ là người được giao trách nhiệm quản lý nguồn lực đó chứ không phải là chủ sở hữu cá nhân của nguồn tiền.

Thực tiễn cho thấy, những nơi có nguồn công đức lớn luôn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh vi phạm nếu thiếu cơ chế giám sát hữu hiệu. Theo báo cáo của Bộ Tài chính khi xây dựng Thông tư số 04/2023/TT-BTC, nhiều di tích và cơ sở tín ngưỡng trên cả nước mỗi năm tiếp nhận số tiền công đức lên tới hàng chục, hàng trăm tỷ đồng nhưng trước đây chưa có cơ chế quản lý thống nhất.

Quần thể Chùa Hương, Yên Tử, Đền Bà Chúa Kho hay Đền Trần là những địa điểm hằng năm đón hàng triệu lượt khách hành hương, kéo theo nguồn công đức rất lớn. Chính quy mô tài chính này đòi hỏi việc quản lý phải được thực hiện bằng cơ chế pháp luật chặt chẽ thay vì chỉ dựa vào niềm tin hay đạo đức cá nhân.

Không phải ngẫu nhiên mà pháp luật hình sự cũng dành những chế tài rất nghiêm khắc đối với hành vi chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép nguồn tài sản được giao quản lý.

Trường hợp người có trách nhiệm quản lý tiền công đức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản có thể bị xem xét xử lý về các tội danh tương ứng quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), như tội Tham ô tài sản (Điều 353), tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175), tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356)

hoặc các tội phạm về quản lý tài sản khác tùy thuộc vào tính chất pháp lý của chủ thể và nguồn tài sản bị chiếm đoạt.

Trong nhiều trường hợp, mức hình phạt cao nhất có thể lên đến tù chung thân hoặc tử hình đối với hành vi tham ô tài sản đặc biệt nghiêm trọng.

Thực tế những năm gần đây đã xuất hiện nhiều vụ việc gây bức xúc xã hội liên quan đến thất thoát, biển thủ hoặc sử dụng thiếu minh bạch tiền công đức tại các di tích, đình, đền, chùa trên cả nước. Điểm chung của các vụ việc này là sự đánh đồng giữa quyền quản lý và quyền sở hữu, dẫn đến tâm lý coi nguồn tiền do nhân dân đóng góp là "tiền không ai kiểm soát".

Tuy nhiên, dưới góc độ pháp luật, quan niệm đó hoàn toàn sai lầm. Khi đồng tiền công đức được đặt vào hòm công đức, nó không biến thành "tiền vô chủ" mà trở thành tài sản phục vụ lợi ích công cộng và chịu sự bảo vệ của pháp luật như bất kỳ loại tài sản hợp pháp nào khác.

Minh bạch hóa nguồn tiền công đức không phải là sự can thiệp vào hoạt động tín ngưỡng, càng không phải là "hành chính hóa" đời sống tâm linh. Ngược lại, đó là yêu cầu tất yếu của nhà nước pháp quyền nhằm bảo vệ niềm tin của người dân, bảo đảm sự tôn nghiêm của cơ sở tín ngưỡng và ngăn ngừa nguy cơ biến những đồng tiền được gửi gắm bằng lòng thành kính thành nguồn lợi riêng của một số cá nhân.

Khoảng trống trong cơ chế quản lý hiện nay

Theo báo cáo tổng hợp của Bộ Tài chính về tình hình quản lý tiền công đức, tài trợ tại các di tích và lễ hội trên phạm vi cả nước, riêng năm 2023 tổng nguồn thu công đức, tài trợ được thống kê đạt khoảng 4.100 tỷ đồng. Trong đó, nhiều di tích, cơ sở tín ngưỡng có nguồn thu từ hàng chục đến hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

Quy mô tài chính này cho thấy tiền công đức không còn là những khoản đóng góp nhỏ lẻ mang tính tượng trưng mà đã trở thành một nguồn lực xã hội rất lớn, có tác động trực tiếp đến công tác bảo tồn di sản văn hóa, duy trì hoạt động tín ngưỡng và phát triển các giá trị văn hóa cộng đồng.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Tuy nhiên, xét dưới góc độ quản trị công và kiểm soát tài sản công cộng, quy mô tài chính càng lớn thì yêu cầu về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và cơ chế giám sát càng phải chặt chẽ. Đây là nguyên tắc đã được khẳng định trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, theo đó mọi hoạt động quản lý, sử dụng tài sản, tài chính phải bảo đảm công khai, minh bạch và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền cũng như của xã hội.

Nếu nguồn tiền công đức được cộng đồng đóng góp nhưng không được đặt dưới một cơ chế kiểm soát tương xứng thì nguy cơ phát sinh thất thoát, tư lợi, chiếm dụng hoặc sử dụng sai mục đích là điều khó tránh khỏi.

Mặc dù Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính đã tạo ra khuôn khổ pháp lý quan trọng cho việc quản lý tiền công đức, song thực tiễn triển khai cho thấy vẫn còn tồn tại những khoảng trống đáng lưu ý.

Thứ nhất, việc quản lý tiền mặt vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong hoạt động tiếp nhận công đức.

Tại đa số đền, chùa, phủ, miếu và các di tích lịch sử - văn hóa, hình thức công đức phổ biến nhất vẫn là bỏ tiền trực tiếp vào hòm công đức hoặc đặt tiền tại các ban thờ. Điều này dẫn đến việc kiểm soát nguồn thu phụ thuộc rất nhiều vào khâu kiểm đếm thủ công. Trong khi đó, theo các nguyên tắc kiểm soát nội bộ được quy định trong Luật Kế toán năm 2015 và các chuẩn mực quản trị tài chính hiện đại, tiền mặt luôn được xem là loại tài sản có mức độ rủi ro thất

thoát cao nhất.

Càng nhiều giao dịch bằng tiền mặt thì khả năng xảy ra gian lận, chiếm dụng hoặc sai lệch số liệu càng lớn. Đây là lý do nhiều quốc gia đã thúc đẩy mạnh mẽ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản đóng góp cộng đồng nhằm giảm thiểu rủi ro phát sinh từ yếu tố con người.

Thứ hai, cơ chế công khai tài chính hiện nay chưa thực sự bảo đảm quyền giám sát thực chất của cộng đồng.

Điều 16 Thông tư số 04/2023/TT-BTC quy định các khoản thu, chi từ tiền công đức phải được công khai. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều nơi mới dừng lại ở việc niêm yết các con số tổng hợp hoặc báo cáo ngắn gọn mà chưa công khai đầy đủ các khoản mục chi tiết, chưa tạo điều kiện để người dân, nhà tài trợ và cộng đồng địa phương kiểm chứng tính chính xác của các khoản thu, chi.

Công khai hình thức nhưng thiếu khả năng kiểm chứng thực tế sẽ khó đạt được mục tiêu minh bạch mà pháp luật hướng tới. Bản chất của công khai không chỉ là công bố thông tin mà còn phải bảo đảm thông tin đó đủ rõ ràng, đầy đủ và có thể được giám sát độc lập.

Thứ ba, cơ chế kiểm tra, giám sát độc lập tại nhiều cơ sở tín ngưỡng và di tích vẫn còn hạn chế.

Trong khoa học quản trị tài chính, nguyên tắc phân tách trách nhiệm giữa người thu, người giữ, người ghi chép và người kiểm tra là một yêu cầu cơ bản nhằm phòng ngừa gian lận. Tuy nhiên, tại không ít cơ sở tín ngưỡng, các khâu quản lý hòm công đức, kiểm đếm, ghi chép sổ sách và quyết định chi tiêu vẫn tập trung vào một nhóm người có mối quan hệ phụ thuộc hoặc chịu sự chi phối lẫn nhau.

Khi cơ chế tự kiểm tra thay thế cho cơ chế kiểm tra độc lập, nguy cơ bỏ lọt sai phạm sẽ gia tăng đáng kể.

Thực tiễn cho thấy những rủi ro này không phải là giả định mang tính lý thuyết. Vụ án xảy ra tại Đền Kỳ Cùng, tỉnh Lạng Sơn là một ví dụ điển hình. Theo các kết quả điều tra mà cơ quan chức năng công bố ban đầu, một số cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý nguồn tiền công đức đã lợi dụng vị trí được giao để chiếm đoạt, sử dụng trái quy định một phần nguồn tiền do nhân dân đóng góp.

Vụ việc cho thấy khi quyền quản lý, quyền kiểm đếm và quyền ghi nhận số liệu cùng tập trung trong một nhóm người, cơ chế phát hiện sai phạm từ bên trong gần như bị vô hiệu hóa. Sai phạm chỉ bị phát hiện khi có hoạt động thanh tra, điều tra từ bên ngoài.

Đây là bài học cho thấy minh bạch tài chính không thể chỉ dựa vào đạo đức cá nhân mà phải được bảo đảm bằng những thiết chế kiểm soát hữu hiệu.

Một khoảng trống khác cũng cần được nhìn nhận thẳng thắn là pháp luật hiện hành mới chủ yếu tập trung vào quy trình quản lý tiền công đức, trong khi cơ chế giám sát xã hội và chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực này vẫn chưa thật sự đồng bộ.

Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 (sửa đổi năm 2026), Luật Kế toán năm 2015 và Thông tư số 04/2023/TT-BTC đều đặt ra các nguyên tắc quản lý minh bạch, nhưng việc kiểm tra định kỳ, kiểm toán độc lập hoặc công bố dữ liệu tài chính theo chuẩn thống nhất vẫn chưa được áp dụng rộng rãi. Điều đó khiến hiệu quả giám sát giữa các địa phương và giữa các di tích còn có sự chênh lệch đáng kể.

Từ thực tế trên có thể thấy rằng vấn đề hiện nay không nằm ở chỗ thiếu quy định pháp luật, mà nằm ở việc cơ chế kiểm soát chưa theo kịp quy mô ngày càng lớn của nguồn tiền công đức. Khi hàng nghìn tỷ đồng được cộng đồng đóng góp mỗi năm, yêu cầu đặt ra không chỉ là thu đúng, chi đúng mà còn phải chứng minh được việc thu đúng, chi đúng trước xã hội.

Chế tài pháp luật đối với hành vi trục lợi tiền công đức

Một trong những quan niệm sai lầm vẫn còn tồn tại trong xã hội là cho rằng tiền công đức thuộc lĩnh vực tâm linh nên nếu xảy ra thất thoát, chiếm dụng hoặc sử dụng sai mục đích thì chủ yếu chỉ là vấn đề đạo đức, khó xử lý bằng pháp luật.

Thực tế hoàn toàn ngược lại. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành không chỉ thừa nhận tiền công đức là một loại tài sản hợp pháp cần được bảo vệ mà còn thiết lập nhiều cơ chế chế tài nghiêm khắc đối với các hành vi xâm phạm nguồn tài sản này.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Điều 12 Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 (sửa đổi năm 2026) nghiêm cấm hành vi lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

Quy định này thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước rằng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền hiến định của công dân nhưng không thể bị lợi dụng để che giấu các hành vi vi phạm pháp luật về tài sản, tài chính hoặc chức vụ, quyền hạn.

Trong lĩnh vực hình sự, tùy thuộc vào tính chất hành vi, chủ thể thực hiện và hậu quả xảy ra, người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội danh khác nhau.

Đối với vụ án xảy ra tại Đền Kỳ Cùng, tỉnh Lạng Sơn, các bị can bị khởi tố theo Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Khoản 1 Điều 356 quy định người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại đến tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Trường hợp phạm tội gây thiệt hại lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan, tổ chức thì mức hình phạt có thể tăng lên từ 10 năm đến 15 năm tù theo các khoản 2 và khoản 3 của điều luật.

Ý nghĩa pháp lý của vụ án Đền Kỳ Cùng không chỉ nằm ở việc xử lý một số cá nhân vi phạm mà còn khẳng định nguyên tắc rất quan trọng: Tiền công đức không phải là nguồn tiền nằm ngoài sự điều chỉnh của pháp luật.

Một khi nguồn tiền này được giao cho tổ chức hoặc cá nhân quản lý thì mọi hành vi sử dụng trái quy định đều có thể trở thành đối tượng điều tra, truy tố và xét xử như đối với bất kỳ loại tài sản hợp pháp nào khác.

Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có đủ căn cứ xác định hành vi chiếm đoạt tài sản, người vi phạm còn có thể bị xem xét trách nhiệm hình sự về các tội danh nghiêm khắc hơn.

Chẳng hạn, Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" với mức hình phạt cao nhất lên đến 20 năm tù nếu giá trị tài sản bị chiếm đoạt đặc biệt lớn.

Nếu chủ thể vi phạm là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý tài sản và có hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc phạm vi mình quản lý thì có thể bị xem xét về tội "Tham ô tài sản" theo Điều 353 Bộ luật Hình sự. Đối với tội danh này, trong trường hợp giá trị tài sản tham ô từ 1 tỷ đồng trở lên hoặc gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng, mức hình phạt cao nhất có thể là tù chung thân hoặc tử hình.

Ngoài trách nhiệm hình sự, người vi phạm còn phải chịu các hậu quả pháp lý về dân sự.

Theo Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, người gây thiệt hại có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh và hoàn trả đầy đủ tài sản đã chiếm đoạt hoặc sử dụng trái quy định. Điều này có nghĩa rằng việc chấp hành hình phạt tù không làm chấm dứt nghĩa vụ hoàn trả tiền công đức đã bị thất thoát. Tài sản bị chiếm đoạt vẫn phải được thu hồi tối đa để trả lại cho cơ sở tín ngưỡng, di tích hoặc cộng đồng thụ hưởng hợp pháp.

Bộ luật Hình sự còn quy định nhiều hình phạt bổ sung đối với các tội phạm về chức vụ và tài sản. Tòa án có thể áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; buộc nộp lại khoản thu lợi bất chính có được từ hành vi phạm tội. Đây là những chế tài đặc biệt quan trọng nhằm ngăn ngừa nguy cơ tái phạm và bảo đảm tính răn đe của pháp luật.

Đối với những hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, cá nhân, tổ chức vi phạm vẫn có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định về quản lý tài chính, kế toán, di sản văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo. Đồng thời, người có hành vi vi phạm còn có thể bị xử lý kỷ luật, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc buộc thôi giữ chức vụ quản lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức có liên quan.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng pháp luật Việt Nam không tồn tại bất kỳ "vùng xám pháp lý" hay "ngoại lệ tâm linh" nào đối với tiền công đức. Dù hành vi vi phạm được thực hiện trong môi trường tín ngưỡng, tôn giáo hay tại các di tích lịch sử - văn hóa thì khi có dấu hiệu trục lợi, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái quy định, người vi phạm vẫn phải chịu đầy đủ các chế tài hành chính, dân sự và hình sự theo quy định của pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế quản trị để bảo vệ niềm tin xã hội

Bài học lớn nhất từ vụ án Đền Kỳ Cùng không chỉ nằm ở việc xử lý nghiêm minh những cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật mà còn nằm ở yêu cầu hoàn thiện thể chế quản trị đối với nguồn tiền công đức.

Trong một nhà nước pháp quyền hiện đại, phòng ngừa luôn có ý nghĩa quan trọng hơn xử lý hậu quả. Một cơ chế quản lý tốt phải bảo đảm rằng hành vi vi phạm khó có cơ hội xảy ra ngay từ đầu, thay vì chỉ trông chờ vào việc phát hiện và xử phạt sau khi thiệt hại đã phát sinh.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã xác định yêu cầu tăng cường công khai, minh bạch, kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tiền công đức tuy hình thành từ hoạt động tín ngưỡng nhưng xét về bản chất vẫn là một nguồn lực tài chính có quy mô lớn, được cộng đồng đóng góp và cần được quản trị theo các nguyên tắc hiện đại về minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Thứ nhất, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý tiền công đức thông qua tài khoản chuyên dùng, mã QR và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Một trong những nguyên nhân làm gia tăng rủi ro thất thoát tại các cơ sở tín ngưỡng hiện nay là tỷ lệ giao dịch bằng tiền mặt vẫn rất cao. Theo chủ trương của Chính phủ tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025, thanh toán điện tử được xem là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát dòng tiền.

Thực tế cho thấy nhiều cơ sở tín ngưỡng lớn đã triển khai thành công hình thức công đức điện tử thông qua tài khoản ngân hàng và mã QR. Các điểm di tích, cơ sở thờ tự lớn tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Ninh Bình, ... đã từng bước áp dụng thanh toán điện tử để giảm áp lực kiểm đếm tiền mặt.

Khi mọi giao dịch được ghi nhận tự động trên hệ thống ngân hàng, khả năng thất thoát hoặc can thiệp vào số liệu sẽ giảm đáng kể, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thanh tra, kiểm tra và đối chiếu sau này.

Thứ hai, cần quy định bắt buộc công khai định kỳ các khoản thu, chi công đức đối với các cơ sở có nguồn thu lớn.

Thông tư số 04/2023/TT-BTC đã đặt ra yêu cầu công khai việc tiếp nhận và sử dụng tiền công đức. Tuy nhiên, trong bối cảnh nhiều di tích tiếp nhận hàng chục tỷ đồng mỗi năm, việc công khai chỉ dừng ở mức khái quát là chưa đủ đáp ứng yêu cầu giám sát xã hội.

Nguyên tắc công khai, minh bạch được quy định xuyên suốt trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi năm 2025). Điều 10 của luật này xác định công khai, minh bạch là một trong những biện pháp cơ bản để phòng ngừa tham nhũng.

Vì vậy, đối với những cơ sở tín ngưỡng có nguồn thu công đức lớn, cần nghiên cứu cơ chế công khai định kỳ theo quý hoặc theo năm, công bố đầy đủ số thu, các khoản chi, hạng mục sử dụng vốn, số dư còn lại và kết quả thực hiện các dự án tu bổ, tôn tạo di tích. Chỉ khi người dân có thể tiếp cận thông tin đầy đủ thì quyền giám sát của cộng đồng mới thực sự được bảo đảm.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế kiểm toán, thanh tra hoặc kiểm tra chuyên đề đối với những cơ sở tín ngưỡng có nguồn công đức đặc biệt lớn.

Theo số liệu tổng hợp của Bộ Tài chính, năm 2023 tổng nguồn tiền công đức và tài trợ tại các di tích trên cả nước đạt khoảng 4.100 tỷ đồng. Tuy nhiên, phần lớn nguồn tài chính này hiện chưa chịu sự giám sát thường xuyên bằng các cơ chế kiểm toán độc lập.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các tổ chức quản lý nguồn đóng góp cộng đồng có quy mô lớn thường phải thực hiện kiểm toán định kỳ nhằm bảo đảm tính minh bạch và củng cố niềm tin xã hội.

Việt Nam có thể nghiên cứu cơ chế thanh tra chuyên đề hoặc kiểm tra định kỳ đối với các di tích, cơ sở tín ngưỡng có nguồn thu công đức đặc biệt lớn, đặc biệt là những nơi đón hàng triệu lượt khách mỗi năm. Việc thanh tra không

nhằm can thiệp vào hoạt động tín ngưỡng mà nhằm bảo vệ chính sự minh bạch của hoạt động đó.

Thứ tư, cần tách bạch chức năng quản lý, kiểm đếm và kế toán nhằm thiết lập cơ chế giám sát chéo hiệu quả.

Đây là nguyên tắc cơ bản của mọi hệ thống kiểm soát nội bộ hiện đại. Luật Kế toán năm 2015 (sửa dổi năm 2025) yêu cầu đơn vị kế toán phải tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm tài sản được quản lý an toàn và ngăn ngừa gian lận.

Nếu một cá nhân hoặc một nhóm người đồng thời nắm quyền quản lý hòm công đức, trực tiếp kiểm đếm tiền và ghi nhận sổ sách kế toán thì cơ chế kiểm soát gần như bị vô hiệu hóa.

Vụ án Đền Kỳ Cùng là minh chứng rõ ràng cho nguy cơ này. Khi các khâu quản lý, kiểm đếm và ghi chép tài chính không được phân tách độc lập, khả năng phát hiện sai phạm từ bên trong tổ chức gần như không còn. Do đó, việc phân công trách nhiệm độc lập giữa các bộ phận, có biên bản đối chiếu và xác nhận chéo giữa các chủ thể liên quan phải trở thành yêu cầu bắt buộc trong quản trị tiền công đức.

Thứ năm, cần nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở quản lý di tích và các ban quản lý liên quan.

Pháp luật hiện đại luôn đặt trách nhiệm giải trình của người đứng đầu ở vị trí trung tâm của cơ chế quản trị. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi năm 2025) quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực thuộc phạm vi quản lý của mình.

Đối với các cơ sở tín ngưỡng và di tích lịch sử - văn hóa, người đứng đầu ban quản lý hoặc tổ chức được giao quản lý di tích phải chịu trách nhiệm cuối cùng về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn tiền công đức. Không thể tồn tại tình trạng khi xảy ra thất thoát thì không xác định được cá nhân chịu trách nhiệm hoặc trách nhiệm bị hòa tan vào trách nhiệm tập thể. Nguyên tắc quản trị hiện đại đòi hỏi quyền hạn phải đi đôi với trách nhiệm và trách nhiệm phải gắn với một chủ thể cụ thể.

Sâu xa hơn, việc hoàn thiện cơ chế quản trị tiền công đức không đơn thuần là câu chuyện quản lý tài chính. Đó là câu chuyện bảo vệ niềm tin xã hội. Mỗi đồng tiền công đức đều chứa đựng sự thành kính, niềm tin và kỳ vọng của người dân đối với các giá trị văn hóa, lịch sử và tín ngưỡng của dân tộc. Nếu nguồn

tiền đó bị thất thoát hoặc bị sử dụng sai mục đích, tổn thất lớn nhất không chỉ là thiệt hại vật chất mà còn là sự suy giảm niềm tin của cộng đồng đối với các thiết chế văn hóa và tín ngưỡng.

Mục tiêu cuối cùng của việc hoàn thiện thể chế không phải là quản chặt hơn vì mục đích hành chính, mà là xây dựng một cơ chế đủ minh bạch để người dân có thể yên tâm rằng đồng tiền họ gửi gắm bằng lòng thành kính sẽ được sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật và vì lợi ích chung của cộng đồng.

Đó cũng chính là nền tảng bền vững nhất để bảo vệ sự tôn nghiêm của các di tích, cơ sở tín ngưỡng và củng cố niềm tin xã hội trong nhà nước pháp quyền hiện đại.

Tác giả: **Vững Nguyễn**